

Số: **34** /2020/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **23** tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Hàng năm các cơ sở đào tạo đại lý tàu biển có trách nhiệm báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển về Cục Hàng hải Việt Nam, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Các nội dung liên quan đến kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất gửi báo cáo: Định kỳ hàng năm;

- d) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 17 tháng 12 hàng năm;
- e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;
- g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Bổ sung Phụ lục 1 vào Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển tương ứng với Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải

- 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 7 như sau:

“10. Quản lý, kiểm tra thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đã được phê duyệt:

Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất và tổ chức triển khai kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải được duyệt của các đơn vị và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải về Bộ Giao thông vận tải, chi tiết báo cáo như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải;

- b) Nội dung báo cáo: Tên công trình, hạng mục công trình thực hiện; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được giao; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được phê duyệt); đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng hải;

- c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

- d) Tần suất gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, quý, năm;

- d) Thời hạn gửi báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ hàng tháng trước ngày 22 của tháng thuộc kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ hàng quý trước ngày 22 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ hàng năm trước ngày 22 tháng 12 của kỳ báo cáo;

- e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ hàng tháng được tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ hàng quý được tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Đối với báo

cáo định kỳ hàng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải

1. Đối với công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý, Cục Hàng hải Việt Nam và người quản lý, khai thác, sử dụng báo cáo việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại khoản 10 Điều 7 Thông tư này.

2. Đối với công trình hàng hải từ cấp II trở lên: chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền phải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam về kết quả thực hiện bảo trì công trình hàng hải và sự an toàn của công trình hàng hải. Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải; Đối với công trình hàng hải cấp III, IV: Chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền phải gửi báo cáo Sở Giao thông vận tải nơi có công trình về kết quả thực hiện bảo trì công trình hàng hải và sự an toàn của công trình hàng hải. Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì và sự an toàn của công trình hàng hải;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Hạng mục công việc, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, điều chỉnh so với kế hoạch, mức độ hoàn thành, đánh giá sự an toàn của cầu, bến cảng.

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần xuất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 17 tháng 12 hàng năm, các chủ sở hữu gửi báo cáo về Cục Hàng hải Việt Nam và Sở Giao thông vận tải. Trước ngày 22 tháng 12 hàng năm, Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.”.

3. Bổ sung Mẫu số 3 vào Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải tương ứng với Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong lĩnh vực hàng hải gửi Bộ Giao thông vận tải, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả thực hiện quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong lĩnh vực hàng hải;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất gửi báo cáo: Định kỳ hàng năm;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 22 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 4 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau:

“4. Tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định gửi Cục Hàng hải Việt Nam, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả thực hiện quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất gửi báo cáo: Định kỳ hàng năm;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 18 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 4 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định gửi Cảng vụ hàng hải khu vực, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả thực hiện quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 16 tháng 12 hàng năm;

đ) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

e) Tần suất gửi báo cáo: Định kỳ hàng năm;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 4 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.”.

4. Thay thế Mẫu số 4 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển bằng Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải

“Điều 9. Báo cáo định kỳ

Cảng vụ hàng hải phải lập báo cáo bằng văn bản gửi Cục Hàng hải Việt Nam và Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, lập báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải về các tai nạn hàng hải, chi tiết báo cáo như sau:

1. Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ các tai nạn hàng hải;

2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Thông tin liên quan đến các tai nạn hàng hải theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

4. Tần xuất báo cáo: Định kỳ 6 tháng và hàng năm;

5. Thời hạn gửi báo cáo: Thời hạn gửi báo cáo 6 tháng: Trước ngày 17 tháng 6 hàng năm, Cảng vụ hàng hải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam. Trước ngày 22 tháng 6 hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Báo cáo 6 tháng cuối năm được thay thế bằng báo cáo năm; Thời hạn gửi báo cáo hàng năm: Trước ngày 17 tháng 12 hàng năm, Cảng vụ hàng hải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam. Trước ngày 22 tháng 12 hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Đối với báo cáo định kỳ 6 tháng được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Đối với báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

7. Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng Bộ GTVT (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VP (5b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Đông

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư số **34**/2020/TT-BGTVT ngày **23** tháng **12** năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 1

**Mẫu đề cương báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận
đối với nhân viên đại lý tàu biển**

**TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....-.....

.....,ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển

Kính gửi: ...(3).....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, ...(1)... kính báo cáo ...(3)... báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển...(2)... như sau:

1. Kết quả đào tạo nhân viên đại lý tàu biển
2. Tổng số giấy nhận đã cấp cho nhân viên đại lý tàu biển

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1). Tên Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải khu vực hoặc doanh nghiệp cảng biển;
- (2). Năm báo cáo;
- (3). Tên cơ quan tiếp nhận báo cáo.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 3**Mẫu đề cương báo cáo kết quả thực hiện bảo trì và sự an toàn của công trình hàng hải**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ VÀ SỰ AN TOÀN CỦA CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI**

Kính gửi:

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, kính báo cáo kết quả thực hiện việc bảo trì và sự an toàn của công trình hàng năm của..... như sau:

| STT | Hạng mục công việc | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Điều chỉnh so với kế hoạch | Mức độ hoàn thành (%) | Đánh giá sự an toàn của cầu/bến cảng | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|--------------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Ghi chú: Sự an toàn của công trình hàng hải, đánh giá sự an toàn của công trình bến/cầu cảng so với công bố (đủ an toàn công trình để khai thác theo công bố và hạn chế (nếu có); Đánh giá sự an toàn của công trình bến/cầu cảng tiếp nhận tàu lớn hơn so với công bố (nếu có).

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, của người có thẩm quyền,
đấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số **34**/2020/TT-BGTVT ngày **23** tháng **12** năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 4

Mẫu đề cương báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-.....

.....,ngày..... Tháng..... năm.....

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI TỪ TÀU THUYỀN

Kính gửi:

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2017/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải phát sinh từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, kính báo cáo tình hình quản lý tiếp nhận chất thải từ tàu thuyền tại..... như sau:

1. Tổng hợp kết quả thực hiện

| STT | Loại chất thải thu gom (*) | Khối lượng chất thải thu gom | | Tổ chức, cá nhân thu gom và xử lý | Ghi chú |
|-----|----------------------------|------------------------------|----|-----------------------------------|---------|
| | | m ³ | kg | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

(*) Loại chất thải được liệt kê theo phân loại chất thải tại Điều 3 của Thông tư 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017.

2. Thông tin về sự không phù hợp của dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển quản lý:

.....
.....

Nơi nhận:

-
 -
- Lưu: VT,....

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

